

Nội dung bài viết

1. [Giải vở bài tập Tiếng Việt lớp 4 trang 30: Chính tả](#)

Giải vở bài tập Tiếng Việt lớp 4 trang 30: Chính tả

Câu 1: Tìm những chữ đó để hoàn chỉnh các đoạn văn dưới đây.

a) Những chữ đó bắt đầu bằng **l** hoặc **n**:

Hưng vẫn hí hoáy tự tìm giải cho bài toán mặc dù em có thể nhìn bài của bạn Dũng ngồi ngay bên cạnh. Ba tiếng trống báo hiệu hết giờ, Hưng bài cho cô giáo. Em buồn, vì bài kiểm tra lần có thể em mất danh hiệu học sinh tiên tiến mà nay em vẫn giữ vững. Nhưng em thấy thanh thản vì đã trung thực, tự trọng khi bài.

b) Những chữ đó có vần **en** hoặc **eng** :

Ngày hội, người người chân. Lan qua đám đông để về nhà. Tiếng xe điện keng. Lan lên xe, thấy ngay một chiếc ví nhỏ màu nâu rơi ra từ chiếc túi của một bà cụ mặc áo ấm, choàng khăn nhung màu Cụ già không hề hay biết. Lan nhặt ví đưa cho cụ. Cụ mừng rỡ cần ví em ngoan.

Trả lời:

a)

Hưng vẫn hí hoáy tự tìm **lời** giải thích cho bài toán mặc dù em có thể nhìn bài của bạn Dũng ngồi ngay bên cạnh. Ba tiếng trống báo hiệu hết giờ, Hưng **nộp** bài cho cô giáo. Em buồn, vì bài kiểm tra lần **này** có thể **làm** em mất danh hiệu học sinh tiên tiến mà **lâu** nay em vẫn giữ vững. Nhưng em thấy **lòng** thanh thản vì đã trung thực, tự trọng khi **làm** bài.

b)

Ngày hội, người người **chen** chân, Lan **len** qua đám đông để về nhà. Tiếng xe điện **leng** keng. Lan lên xe, thấy ngay một chiếc ví nhỏ màu nâu rơi ra từ chiếc túi của một bà cụ mặc áo **len** ấm, choàng khăn nhung màu **đen**. Cụ già không hề hay biết. Lan nhặt ví đưa cho cụ. Cụ mừng rỡ cần ví, **khen** em ngoan.

Câu 2: Giải những câu đố sau :

a) Tên con vật chứa tiếng bắt đầu bằng **l** hoặc **n**:

Mẹ thì sống ở trên bờ

Con sinh ra lại sống nhờ dưới ao.

Có đuôi bơi lội lao xao

Mất đuôi tức khác nháy nhao lên bờ.

Là con.....

b) Tên con vật chứa tiếng có vần **en** hoặc **eng** :

Chim gì liệng tựa con thoi

Báo mùa xuân đẹp giữa trời say sưa.

Là con.....

Trả lời:

a) con nòng nọc

b) con chim én